TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI
Khoa Tiếng Đức
---------oOo---------

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc
----------oOo----------

DANH SÁCH THI HẾT HỌC PHẦN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: Ngôn ngữ học tiếng Đức 1 (61GER3LI1) **Số tín chỉ: 4**
Ngày thi kết thúc học phần: 14/12/2021 Phòng thi: 01 - MS Team_Zoom
CBCT: Cô Lan, Cô Hồng

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên SV		Thi [60%]	Điểm thi	SV ký tên	Ghi chú
1	3LI1-01	1807050005	Đỗ Bảo	**Anh**				
2	3LI1-02	1807050009	Lê Thị Hà	**Anh**				
3	3LI1-03	1907050007	Mai Phương	**Anh**				
4	3LI1-04	1907050008	Nguyễn Đào Quỳnh	**Anh**				
5	3LI1-05	1907050012	Nguyễn Thảo	**Anh**				
6	3LI1-06	1907050014	Nguyễn Thị Minh	**Anh**				
7	3LI1-07	1907050015	Nguyễn Thị Vân	**Anh**				
8	3LI1-08	1807050024	Phạm Ngọc	**Anh**				
9	3LI1-09	1807050028	Phùng Thị Quỳnh	**Anh**				
10	3LI1-10	1907050019	Trần Thị Lan	**Anh**				
11	3LI1-11	1907050020	Vũ Phương	**Anh**				
12	3LI1-12	1607050020	Phạm Ngọc	**Ánh**				
13	3LI1-13	1907050022	Trương Tú	**Bình**				
14	3LI1-14	1907050026	Đào Linh	**Chi**				
15	3LI1-15	1907050028	Nguyễn Đỗ Quỳnh	**Chi**				
16	3LI1-16	1907050031	Phạm Tuyết	**Chinh**				
17	3LI1-17	1907050159	Hoàng Mạnh	**Dũng**				
18	3LI1-18	1907050036	Hoàng Lê Mỹ	**Duyên**				
19	3LI1-19	1907050037	Ngô Thị	**Duyên**				
20	3LI1-20	1907050040	Nguyễn Thùy	**Dương**				
21	3LI1-21	1907050042	Trần Thùy	**Dương**				
22	3LI1-22	1907050043	Ngô Chí	**Đạt**				
23	3LI1-23	1907050045	Phạm Hải	**Đăng**				
24	3LI1-24	1907050046	Đỗ Nguyễn Hương	**Giang**				
25	3LI1-25	1907050049	Nguyễn Thị Thu	**Hà**				
26	3LI1-26	1707050048	Phạm Thị Ngân	**Hà**				
27	3LI1-27	1907050051	Nguyễn Thị Nguyệt	**Hằng**				
28	3LI1-28	1907050052	Nguyễn Thu	**Hằng**				
29	3LI1-29	1907050053	Đặng Thu	**Hiền**				
30	3LI1-30	1907050056	Nguyễn Văn Khánh	**Hòa**				
31	3LI1-31	1907050058	Lê Thị Ngọc	**Huyền**				
32	3LI1-32	1907050059	Nguyễn Thị Ngọc	**Huyền**				
33	3LI1-33	1807050062	Nguyễn Long	**Hưng**				

34	3LI1-34	1707050080	Đoàn Thị Huyền	**Linh**				
35	3LI1-35	1907050071	Hoàng Hải	**Linh**				
36	3LI1-36	1907050073	Ngô Khánh	**Linh**				
37	3LI1-37	1907050075	Nguyễn Thị Huyền	**Linh**				
38	3LI1-38	1907050081	Hoàng Việt	**Long**				
39	3LI1-39	1907050083	Nguyễn Thị	**Lợi**				
40	3LI1-40	1907050085	Nguyễn Hương	**Ly**				
41	3LI1-41	1907050086	Nguyễn Thị	**Ly**				
42	3LI1-42	1907050091	Nguyễn Cao	**Minh**				
43	3LI1-43	1907050092	Nguyễn Huyền	**Minh**				
44	3LI1-44	1907050094	Lê Thúy	**Nga**				
45	3LI1-45	1907050098	Hoàng Bảo	**Ngọc**				
46	3LI1-46	1807050094	Nguyễn Khánh	**Ngọc**				
47	3LI1-47	1907050099	Nguyễn Phan Huyền	**Ngọc**				
48	3LI1-48	1907050100	Bùi Thị Thanh	**Nguyệt**				
49	3LI1-49	1907050102	Hoàng Châu	**Nhi**				
50	3LI1-50	1907050103	Lê Đỗ Uyển	**Nhi**				
51	3LI1-51	1907050104	Nguyễn Phương	**Nhi**				
52	3LI1-52	1907050106	Trương Yến	**Nhi**				
53	3LI1-53	1907050108	Nguyễn Thị Kim	**Oanh**				
54	3LI1-54	1707050119	Lê Huyền	**Phương**				
55	3LI1-55	1907050111	Nguyễn Nam	**Phương**				
56	3LI1-56	1907050112	Nguyễn Thị	**Phương**				
57	3LI1-57	1907050115	Trần Ngân	**Phương**				
58	3LI1-58	2007050119	Nguyễn Minh	**Quang**				
59	3LI1-59	1907050117	Nguyễn Vũ Minh	**Quang**				
60	3LI1-60	1907050121	Quản Như	**Quỳnh**				
61	3LI1-61	1907050124	Nguyễn Thị Thanh	**Tâm**				
62	3LI1-62	1907050129	Nguyễn Danh	**Thái**				
63	3LI1-63	1707050130	Đinh Thiên	**Thanh**				
64	3LI1-64	1907050137	Trần Thị Vương	**Thúy**				
65	3LI1-65	1707050146	Nguyễn Thị Minh	**Trang**				
66	3LI1-66	1907050139	Nguyễn Thùy	**Trang**				
67	3LI1-67	1907050140	Nguyễn Vũ Quỳnh	**Trang**				
68	3LI1-68	1907050141	Phạm Minh	**Trang**				
69	3LI1-69	1907050127	Nguyễn Thị Cẩm	**Tú**				
70	3LI1-70	1907050128	Hoàng Sỹ	**Tùng**				
71	3LI1-71	1807050140	Đào Thị Hồng	**Vân**				

DS thi: 71 **Không đủ đk: 0** **HA: 0** **Đủ đk: 71** **Dự thi:** **Bỏ thi:** **Tổng bài thi:**

Cán bộ coi thi ký ghi rõ họ tên: CBCT 1: **Nguyễn Thị Lan** **CBCT 2:** **Phan Thị Hồng**

Giáo viên chấm thi ký ghi rõ họ tên: GVCT 1: **GVCT 2:**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI
Khoa Tiếng Đức
---------oOo---------

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc
----------oOo----------

DANH SÁCH THI HẾT HỌC PHẦN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: Ngôn ngữ học tiếng Đức 1 (61GER3LI1) **Số tín chỉ: 4**
Ngày thi kết thúc học phần: 14/12/2021 Phòng thi: 02 - MS Team_Zoom
CBCT: Cô Đ.Hiền, Cô Trà

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên SV		Thi [60%]	Điểm thi	SV ký tên	Ghi chú
1	3LI1-72	1907050145	Lê Hồng	**Vân**				Nhóm 1
2	3LI1-73	1907050147	Nguyễn Quang	**Việt**				Nhóm 1
3	3LI1-74	1907050149	Đinh Quang	**Vinh**				Nhóm 1
4	3LI1-75	1507050011	Trần Thị Ngọc	**Anh**				Nhóm 1 - Niên chế HL Syntax
5	3LI1-76	1907050079	Vũ Thị Khánh	**Linh**				Nhóm 1
6	3LI1-77	1907050001	Bùi Thị Phương	**Anh**				
7	3LI1-78	1807050004	Đặng Ngọc Tú	**Anh**				
8	3LI1-79	1907050003	Đỗ Đức	**Anh**				
9	3LI1-80	1907050004	Hoàng Phương	**Anh**				
10	3LI1-81	1907050005	Lê Thị Lan	**Anh**				
11	3LI1-82	2007050008	Nghiêm Hải	**Anh**				
12	3LI1-83	1907050009	Nguyễn Hoài	**Anh**				
13	3LI1-84	1907050010	Nguyễn Ngọc	**Anh**				
14	3LI1-85	1907050013	Nguyễn Thị Lan	**Anh**				
15	3LI1-86	1707050018	Phạm Hà	**Anh**				
16	3LI1-87	1907050016	Phạm Quỳnh	**Anh**				
17	3LI1-88	1707050020	Phùng Thị Hoàng	**Anh**				
18	3LI1-89	1707050028	Nguyễn Thị Thanh	**Bình**				
19	3LI1-90	1907050025	Nguyễn Phùng Bảo	**Châu**				
20	3LI1-91	1907050024	Nguyễn Chiến	**Công**				
21	3LI1-92	1907050035	Kiều Anh	**Dũng**				
22	3LI1-93	1907050039	Phạm Thị Khánh	**Duyên**				
23	3LI1-94	1807050049	Nguyễn Thanh	**Hà**				
24	3LI1-95	1907050050	Nguyễn Thu	**Hà**				
25	3LI1-96	1707050060	Lê Phương	**Hiền**				
26	3LI1-97	1907050054	Giang Trí	**Hiếu**				
27	3LI1-98	1707050063	Nguyễn Thị	**Hoa**				
28	3LI1-99	1907050055	Trương Thị	**Hoa**				
29	3LI1-100	1907050057	Phạm Minh	**Hoàng**				
30	3LI1-101	1907050060	Nguyễn Thị Thanh	**Huyền**				
31	3LI1-102	1907050061	Nguyễn Thu	**Huyền**				
32	3LI1-103	1907050062	Lê Quỳnh	**Hương**				
33	3LI1-104	1907050063	Nguyễn Thị	**Hương**				

34	3LI1-105	1907050066	Nguyễn Thị Ngọc	**Lan**				
35	3LI1-106	1807050072	Đặng Mỹ	**Linh**				
36	3LI1-107	1907050069	Đinh Thị Ngọc	**Linh**				
37	3LI1-108	1907050070	Đỗ Thị Yến	**Linh**				
38	3LI1-109	1907050072	Mai Ngọc	**Linh**				
39	3LI1-110	1907050074	Nguyễn Ngọc	**Linh**				
40	3LI1-111	1907050076	Phạm Thuỳ	**Linh**				
41	3LI1-112	1907050078	Trịnh Phương	**Linh**				
42	3LI1-113	1807050079	Lại Tiến	**Long**				
43	3LI1-114	1907050084	Đào Thị Cẩm	**Ly**				
44	3LI1-115	1907050090	Nguyễn Thị	**Mai**				
45	3LI1-116	1707050101	Vũ Hoàng Phương	**Mai**				
46	3LI1-117	1707050102	Phạm Thị	**May**				
47	3LI1-118	1807050087	Hoàng Thị	**Mơ**				
48	3LI1-119	1707050103	Tạ Thị Trà	**My**				
49	3LI1-120	1707050111	Trương Tuấn	**Nghĩa**				
50	3LI1-121	1907050101	Đoàn Thị	**Nguyệt**				
51	3LI1-122	1907050105	Nguyễn Yến	**Nhi**				
52	3LI1-123	1907050107	Lê Thị Hồng	**Nhung**				
53	3LI1-124	1707050118	Nguyễn Trang	**Nhung**				
54	3LI1-125	1807050102	Nguyễn Trang	**Nhung**				
55	3LI1-126	1907050114	Phạm Trần Ngọc	**Phương**				
56	3LI1-127	1907050116	Vũ Thị Bích	**Phương**				
57	3LI1-128	1907050122	Trần Bảo	**Quỳnh**				
58	3LI1-129	1907050131	Lê Phương	**Thảo**				
59	3LI1-130	1907050132	Nguyễn Thị	**Thảo**				
60	3LI1-131	1907050135	Vũ Thị	**Thùy**				
61	3LI1-132	1907050125	Vũ Thị Thủy	**Tiên**				
62	3LI1-133	1807050123	Nguyễn Anh	**Trà**				
63	3LI1-134	1807050128	Hoàng Thị	**Trang**				
64	3LI1-135	1907050138	Nguyễn Phương	**Trang**				
65	3LI1-136	1907050143	Nguyễn Ngọc	**Trâm**				
66	3LI1-137	1707050154	Nguyễn Thị Chi	**Uyên**				
67	3LI1-138	1907050144	Đỗ Khánh	**Vân**				
68	3LI1-139	1907050146	Nguyễn Thu	**Vân**				
69	3LI1-140	1907050148	Trương Thành	**Việt**				
70	3LI1-141	1907050152	Nguyễn Hải	**Yến**				
71		1707050037	Trần Hùng	**Dương**				CT - Nghỉ 14b - Nợ HP

DS thi: 71 **Không đủ đk: 01** **HA: 0** **Đủ đk: 70** **Dự thi:** **Bỏ thi:** **Tổng bài thi:**

Cán bộ coi thi ký ghi rõ họ tên: **CBCT 1:** **Đặng Thị Thu Hiền** **CBCT 2:** **Ngô Thu Trà**

Giáo viên chấm thi ký ghi rõ họ tên: **GVCT 1:** **GVCT 2:**